

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 từ trang 5 đến trang 20 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Ngọc Cơ	Chủ tịch
Ông Trương Thanh Châu	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Ngọc Lan	Thành viên
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên
Bà Võ Ngọc Xuân	Thành viên
Ông Trần Huy Thăng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tân	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Anh Phi	Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Lan	Phó Giám đốc
Ông Trương Thanh Châu	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là ông Võ Thanh Bình

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 kèm theo được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cũng đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Hoàng Anh Phi
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2011

Số: /2011/UHYHCM-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 12/08/2011, trình bày từ trang 5 đến trang 20 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn tại ngày 30/06/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Nguyễn Tự Trung
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1226/KTV

Hà Minh Long
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1221/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/06/2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.312.258.754	24.781.986.816
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	17.935.826.396	10.521.835.994
Tiền	111		2.935.826.396	1.021.835.994
Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	9.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	44.148.000	10.506.504.810
Đầu tư ngắn hạn	121		136.595.000	10.567.514.810
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(92.447.000)	(61.010.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.798.994.574	3.453.639.450
Phải thu khách hàng	131		2.461.577.413	1.865.397.581
Trả trước cho người bán	132		2.065.972.717	1.294.827.872
Các khoản phải thu khác	135	6	976.832.931	998.802.484
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(705.388.487)	(705.388.487)
Hàng tồn kho	140		320.427.088	230.006.562
Hàng tồn kho	141	7	320.427.088	230.006.562
Tài sản ngắn hạn khác	150		212.862.696	70.000.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		132.862.696	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		80.000.000	70.000.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.668.048.043	14.330.009.104
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		8.573.190.106	9.634.319.049
Tài sản cố định hữu hình	221	11	8.533.740.016	9.634.319.049
- Nguyên giá	222		33.259.644.402	33.312.070.821
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(24.725.904.386)	(23.677.751.772)
Tài sản cố định vô hình	227	10	-	-
- Nguyên giá	228		945.192.000	945.192.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(945.192.000)	(945.192.000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		39.450.090	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	8	6.581.369.600	4.154.900.000
Đầu tư dài hạn khác	258		7.154.900.000	4.154.900.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(573.530.400)	-
Tài sản dài hạn khác	260		513.488.337	540.790.055
Chi phí trả trước dài hạn	261		213.488.337	240.790.055
Tài sản dài hạn khác	268	9	300.000.000	300.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		38.980.306.797	39.111.995.920

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		3.173.620.973	2.641.374.259
Nợ ngắn hạn	310		2.759.723.954	2.227.477.240
Phải trả người bán	312		242.619.838	190.163.356
Người mua trả tiền trước	313		42.843.224	112.780.133
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.505.491.652	974.149.921
Phải trả người lao động	315		331.708.280	60.387.026
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	454.032.788	424.094.132
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		183.028.172	465.902.672
Nợ dài hạn	330		413.897.019	413.897.019
Phải trả dài hạn người bán	331		108.797.019	108.797.019
Phải trả dài hạn khác	333	14	305.100.000	305.100.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		35.806.685.824	36.470.621.661
Vốn chủ sở hữu	410	15	35.806.685.824	36.470.621.661
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		17.662.969.959	17.662.969.959
Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.868.174.955	1.868.174.955
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.537.067.072	1.537.067.072
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.766.296.996	1.766.296.996
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.972.176.842	13.636.112.679
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		38.980.306.797	39.111.995.920

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Võ Thanh Bình

Nguyễn Hoàng Anh Phi

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	12.533.305.178	12.271.487.851
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	17	53.706.974	239.051.516
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	12.479.598.204	12.032.436.335
Giá vốn hàng bán	11	19	6.280.950.984	6.728.698.136
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.198.647.220	5.303.738.199
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.156.797.979	962.556.948
Chi phí tài chính	22	21	625.769.392	4.764.195
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.308.580.061	1.698.149.860
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.421.095.746	4.563.381.092
Thu nhập khác	31		77.097.490	154.202.263
Chi phí khác	32		-	204.868.151
Lợi nhuận khác	40		77.097.490	(50.665.888)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.498.193.236	4.512.715.204
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	1.374.548.309	1.128.178.800
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.123.644.927	3.384.536.404
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.335	1.916

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Võ Thanh Bình

Nguyễn Hoàng Anh Phi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		5.498.193.236	4.512.715.204
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		1.115.760.851	1.135.405.414
Các khoản dự phòng	3		(604.967.400)	(4.563.200)
Lãi hoạt động đầu tư	5		(1.156.797.979)	(838.270.330)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		4.852.188.708	4.805.287.088
Tăng giảm các khoản phải thu	9		(1.345.355.124)	(421.928.762)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(90.420.526)	4.428.948
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		1.072.424.359	(124.981.262)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		26.949.718	472.265.092
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(843.679.919)	(1.375.811.384)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		502.673.937	69.622.489
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.954.476.632)	(1.053.628.823)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.220.304.521	2.375.253.387
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(54.631.908)	(153.023.406)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		185.000.000	100.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.500.000.000)	(14.016.345.839)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.930.919.810	9.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.000.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.156.797.979	1.069.529.390
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.718.085.881	(3.999.839.855)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.524.400.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.524.400.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		7.413.990.402	(1.624.586.468)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	10.521.835.994	7.639.987.209
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	17.935.826.396	6.015.400.741

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Võ Thanh Bình

Nguyễn Hoàng Anh Phi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0300850255 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/04/1994 (đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 28/12/2010) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 12/07/2001, Công ty đã chính thức niêm yết 1.766.300 cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) với mã cổ phiếu là: SGH. Ngày 30/07/2009, Công ty đã chuyển giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty có trụ sở chính tại số 41-47 Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh phòng nghỉ, văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh ăn uống và vũ trường;
- Thu đổi ngoại tệ cho khách;
- Dịch vụ du lịch, lữ hành trong cả nước, và quốc tế;
- Dịch vụ vui chơi giải trí, bán hàng lưu niệm, mua bán sách, dịch vụ phòng họp cho khách tại khách sạn;
- Vận chuyển khách du lịch; dịch vụ vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh Karaoke;
- Dịch vụ xoa bóp, xông hơi;
- Mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ giặt, ủi, hấp;
- Mua bán sách (có nội dung được phép lưu hành);
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế;

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.5 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm chi phí cổ phần hóa và lợi thế thương mại khi xác định giá trị doanh nghiệp, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Tại ngày 30/06/2011, toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty đã được khấu hao hết.

3.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư bao gồm tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng, các khoản đầu tư mua cổ phiếu và góp vốn vào các Công ty khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% nhằm thu lợi nhuận. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	73.583.900	18.444.980
Tiền gửi ngân hàng	2.862.242.496	1.002.839.749
Tiền đang chuyển	-	551.265
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	9.500.000.000
Cộng	17.935.826.396	10.521.835.994

(*): Là tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2011		Tại 01/01/2011	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		136.595.000		136.595.000
- Công ty Cổ phần xuất nhập Khẩu Khánh Hội	3.240	65.446.000	3.240	65.446.000
- Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	1.450	42.690.000	1.450	42.690.000
- Công ty Cổ phần Bao bì dầu thực vật	1.052	28.459.000	1.052	28.459.000
Đầu tư ngắn hạn khác (*)		-		10.430.919.810
- Tiền gửi có kỳ hạn NH Đầu tư và Phát triển CN TP.HCM		-		7.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn NH Ngoại thương Việt Nam CN TP.HCM		-		2.930.919.810
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(92.447.000)		(61.010.000)
Cộng		44.148.000		10.506.504.810

(*): Là tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng, dưới 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Phải thu ông Lê Thành Chơn tiền tài sản tổ giết(*)	657.484.745	657.484.745
Phải thu ông Lê Chí Khâm tiền phạt thuế (*)	47.903.742	47.903.742
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	271.444.444	282.671.737
Phải thu về thuế giá trị gia tăng	-	10.742.260
Cộng	976.832.931	998.802.484

(*) Là khoản phải thu khó đòi, đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100% số dư gốc.

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	211.026.653	164.380.189
Công cụ, dụng cụ	47.446.443	2.034.215
Hàng hoá	61.953.992	63.592.158
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	320.427.088	230.006.562

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 30/06/2011		Tại 01/01/2011	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác		7.154.900.000		4.154.900.000
- Đầu tư cổ phiếu		4.154.900.000		4.154.900.000
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông	326.717	2.794.900.000	326.717	2.794.900.000
+ Trường Đại học Hoa Sen(*)	195.000	1.360.000.000	100.000	1.360.000.000
- Tiền gửi NH Ngoại thương Việt Nam		3.000.000.000		
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(573.530.400)		
Cộng		6.581.369.600		4.154.900.000

(*)Trường Đại học Hoa Sen phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 95/100 theo Nghị quyết số 876-09/NQ-ĐHCHĐ của Đại Hội đồng cổ đông ngày 26/12/2009. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn chưa tiến hành đổi sổ cổ đông theo số liệu cổ phiếu mới đang sở hữu.

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Ký quỹ cung cấp dịch vụ lữ hành	300.000.000	300.000.000
Cộng	300.000.000	300.000.000

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Là chi phí cổ phần hóa và lợi thế thương mại khi xác định giá trị doanh nghiệp, được khấu hao trong 10 năm. Đến ngày 30/06/2011, tài sản vô hình đã được khấu hao hết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	27.406.335.462	2.982.729.764	2.088.089.288	834.916.307	33.312.070.821
- Mua trong năm	-	-	15.181.818	-	15.181.818
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(67.608.237)	-	(67.608.237)
Tại ngày 30/06/2011	<u>27.406.335.462</u>	<u>2.982.729.764</u>	<u>2.035.662.869</u>	<u>834.916.307</u>	<u>33.259.644.402</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	19.615.154.821	2.285.099.799	1.117.344.131	660.153.021	23.677.751.772
- Khấu hao trong kỳ	894.453.378	109.429.115	70.347.589	41.530.769	1.115.760.851
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(67.608.237)	-	(67.608.237)
Tại ngày 30/06/2011	<u>20.509.608.199</u>	<u>2.394.528.914</u>	<u>1.120.083.483</u>	<u>701.683.790</u>	<u>24.725.904.386</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2011	<u>7.791.180.641</u>	<u>697.629.965</u>	<u>970.745.157</u>	<u>174.763.286</u>	<u>9.634.319.049</u>
Tại ngày 30/06/2011	<u>6.896.727.263</u>	<u>588.200.850</u>	<u>915.579.386</u>	<u>133.232.517</u>	<u>8.533.740.016</u>

* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

5.306.063.781 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT	168.450.607	155.448.598
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	9.395.463	11.513.294
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.289.925.032	759.056.642
Thuế thu nhập cá nhân	37.720.550	48.131.387
Cộng	1.505.491.652	974.149.921

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Bảo hiểm y tế	-	83.499.624
Bảo hiểm xã hội	605.769	-
Kinh phí công đoàn	125.781.624	1.519.688
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	282.680.400	282.680.400
Bảo hiểm thất nghiệp	-	69.470
Các khoản phải trả, phải nộp khác	44.964.995	56.324.950
Cộng	454.032.788	424.094.132

14. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Nhận đặt cọc thuê mặt bằng - Zen bar	305.100.000	305.100.000
Cộng	305.100.000	305.100.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký theo Giấy chứng nhận kinh doanh là: 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng), chia thành 1.800.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần, trong đó:

- Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn nắm giữ 720.000 cổ phần tương ứng với 7.200.000.000 đồng, chiếm 40% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 1.080.000 cổ phần tương ứng với 10.800.000.000 đồng, chiếm 60% vốn điều lệ.

Tình hình góp vốn của các cổ đông tại ngày 30/06/2011 như sau:

Chủ sở hữu	Theo đăng ký kinh doanh		Đã góp đến 30/06/2011 VND
	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ %	
Vốn Nhà nước	7.200.000.000	40%	6.862.969.959
Cổ đông khác	10.800.000.000	60%	10.800.000.000
Cộng	18.000.000.000	100%	19.531.144.914

15.2 CỔ PHIẾU

	Tại 30/06/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	1.800.000	1.800.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	1.766.300	1.766.300
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	1.766.300	1.766.300
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.766.300	1.766.300
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	1.766.300	1.766.300
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

15.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	17.662.969.959	1.868.174.955	1.537.067.072	1.766.296.996	10.561.531.324	33.396.040.306
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	8.320.385.724	8.320.385.724
- Trích lập quỹ KT, PL từ LN 2009	-	-	-	-	(488.200.000)	(488.200.000)
- Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	(3.524.400.000)	(3.524.400.000)
- Lợi nhuận từ phí phục vụ phải trả CNV	-	-	-	-	(883.630.958)	(883.630.958)
- Tạm trích thù lao HĐQT từ LN 2010	-	-	-	-	(84.000.000)	(84.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(265.573.411)	(265.573.411)
Tại ngày 31/12/2010	17.662.969.959	1.868.174.955	1.537.067.072	1.766.296.996	13.636.112.679	36.470.621.661
Tại ngày 01/01/2011	17.662.969.959	1.868.174.955	1.537.067.072	1.766.296.996	13.636.112.679	36.470.621.661
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	4.123.644.927	4.123.644.927
- Trích lập quỹ KT, PL từ LN 2010	-	-	-	-	(743.675.500)	(743.675.500)
- Chia cổ tức 2010	-	-	-	-	(3.532.600.000)	(3.532.600.000)
- Lợi nhuận từ phí phục vụ phải trả CNV	-	-	-	-	(409.305.264)	(409.305.264)
- Tạm trích thù lao HĐQT từ LN 2010	-	-	-	-	(102.000.000)	(102.000.000)
Tại ngày 30/06/2011	17.662.969.959	1.868.174.955	1.537.067.072	1.766.296.996	12.972.176.842	35.806.685.824

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.533.305.178	12.271.487.851
Trong đó:		
+ Doanh thu phòng ngủ	7.668.457.145	7.519.868.198
+ Doanh thu ăn uống	2.661.852.606	2.280.087.915
+ Doanh thu dịch vụ khác	1.654.617.695	1.899.527.269
+ Doanh thu phí dịch vụ	548.377.732	572.004.469

17. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	53.706.974	239.051.516
Trong đó:		
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	53.706.974	239.051.516

18. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.479.598.204	12.032.436.335
Trong đó:		
+ Doanh thu phòng ngủ	7.668.457.145	7.519.868.198
+ Doanh thu ăn uống	2.661.852.606	2.280.087.915
+ Doanh thu dịch vụ khác	1.600.910.721	1.660.475.753
+ Doanh thu phí dịch vụ	548.377.732	572.004.469

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Dịch vụ phòng ngủ	2.338.946.988	4.043.169.624
Dịch vụ ăn uống	1.811.156.579	2.029.561.195
Dịch vụ khác	2.130.847.417	655.967.317
Cộng	6.280.950.984	6.728.698.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.142.633.787	675.389.390
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	276.840.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.164.192	1.778.758
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	-	8.548.800
Cộng	1.156.797.979	962.556.948

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.801.992	4.764.195
Dự phòng các khoản đầu tư	604.967.400	-
Cộng	625.769.392	4.764.195

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.498.193.236
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-
Tổng thu nhập chịu thuế	5.498.193.236
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành	1.374.548.309
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.374.548.309

23. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

23.1 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty đã được soát xét.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Võ Thanh Bình

Nguyễn Hoàng Anh Phi